**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN V**
**TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14–6– 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa**:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X (nay là ấp Phú T), xã Hưng H, huyện V, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Thạch Thị B, sinh năm 1943 (vắng mặt)
3.2. Bà Thạch Thị T, sinh năm 1961(vắng mặt)
3.3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962(vắng mặt)
Cùng địa chỉ ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B.
3.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (vắng mặt)
3.5. Bà La Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Huỳnh Thị C xây dựng hôn nhân với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng H, theo giấy chứng nhận kết hôn số 80, Quyển 05/2004, cấp ngày 21/04/2004. Giai đoạn đầu sống chung nhà với nhau hạnh phúc, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do bất đồng ý kiến, mẫu thuẫn về kinh tế và mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Đ và bà C đã ly thân khoảng 01 năm nay. Từ đó, ông Đ yêu cầu ly hôn với bà C.

Vê con chung có 02 người con chung: Cháu D1, sinh ngày 28/12/2004; cháu D2, sinh năm 2011. Hiện nay cháu D1 đang sống với bà C, ở trọ tại B. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu D1, nếu cháu theo ông Đ thì ông Đ nuôi và không yêu cầu bà C cấp dưỡng; nếu cháu D1theo bà C thì ông Đ cũng đồng ý và ông Đ không phải cấp dưỡng.

Riêng cháu D2 đã trưởng thành nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

+ Thửa đất 882, tờ bản đồ số 02, diện tích 4231m$^2$, tọa lạc ấp X (nay là Phú T), xã Hưng H, huyện V, tỉnh B.

+ Thửa đất 1119, tờ bản đồ số 04, diện tích 3530m$^2$, tọa lạc ấp N, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B. Phần đất này ông Đ và bà C đứng tên Quyền sử dụng đất.

+ Phần đất 240m$^2$, tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, vợ chồng mua của bà Thạch Thị B, chưa chuyển quyền.

+ Phần đất 6400m$^2$ đất trồng lúa tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, vợ chồng mua của bà Thạch Thị T, chưa chuyển quyền.

+ Căn nhà lợp tol, vách lá cất trên đất của cha mẹ ông Đ, ông Đ đồng ý chia giá trị phần tài sản là căn nhà. Vì cha mẹ ông Đ không cho đất, chỉ cho mượn ở.

Tuy nhiên, phần tài sản này ông Đ với chị Chín đã tự thỏa thuận với nhau tại biên bản đối chất ngày 12/4/2023 tại Tòa án. Do đó, vào ngày 21/4/2023 ông Đ đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung với bà C. Việc ông Đ rút đơn là tự nguyện, không ai ép buộc.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyêt.

Bị đơn bà Huỳnh Thị C thống nhất lời trình bày của ông Đ về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tại biên bản đối chất ngày 21/4/2023, bà C đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông Đ. Tài sản chung bà C và ông Đ tự thỏa thuận với nhau nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lời nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị B trình bày: Năm 2013, bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà C một cái nền có diện tích 240m$^2$, giá 75.000.000 đồng, tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, khi chuyển nhượng có làm giấy tay lập ngày 28/02/2013, vợ chồng ông Đ đã giao đủ tiền cho bà và bà đã giao đất cho vợ chồng ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà C, bà B không đặt ra tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lời nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Thạch Thị T trình bày: Năm 2010, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà C phần đất nông nghiệp có diện tích 6400m$^2$, giá 1,2 lượng vàng 24k/công, tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, vợ chồng ông Đ đã giao đủ vàng cho ông bà và ông bà đã giao đất cho vợ chồng ông Đ canh tác từ năm 2010 đến nay. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà C, ông bà không đặt ra tranh chấp gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông là cha ruột của ông Đ, cha chồng của bà C. Vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Đ, bà C mượn phần đất cất nhà. Nay vợ chồng ông Đ ly hôn, vợ chồng ông C không yêu cầu gì trong vụ án này.

Riêng bà La Thị H không ghi nhận được ý kiến, do bà H bận chăm cháu ở Thành phố Hồ Chí Minh không về được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà C. Về con chung giao cháu Kim cho bà C tiếp tục nuôi dạy, ông Đ không phải cấp dưỡng do bà C không yêu cầu. Đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung giữa ông Đ đối với bà C do ông Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 3.425.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001476 ngày 09/03/2023, đối trừ số tiền án phí, ông Đ được hoàn lại số tiền 3.125.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 06 tháng 02 năm 2023 ông Nguyễn Min Đức nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với bà Huỳnh Thị C. Bà C có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp X (nay là ấp Phú T), xã Hưng H, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải

quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, ông D, bà T, ông C, bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, ông D, bà T, ông C, bà H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông Đ và bà C tự nguyện chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 80, Quyển 05/2004, cấp ngày 21/04/2004 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Hộn, huyện V, tỉnh B cấp nên hôn nhân giữa ông Đ và bà C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà C cũng đồng ý ly hôn (theo biên bản đối chất ngày 12/4/2023), sau đó ông Đ và bà C đề nghị cho thời gian về thỏa thuận phần tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải thì bà C không đến. Từ đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa ông Đ và bà C không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn (phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020) và mâu thuẫn này đã trầm trọng, hiện nay ông Đ và bà C đã ly thân. Ông Đ không còn tình cảm với bà C, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà C.

[4]. Về con chung: Ông Đ và bà C thống nhất xác định, ông Đ và bà C có 02 người con chung: Cháu Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 28/12/2004; cháu Nguyễn Thành Kim, sinh năm 2011. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Kim, cháu Kim xác định cháu có nguyện vọng sống với bà C, bà C cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu Kim. Do đó, để đảm bảo ổn định sinh hoạt, học hành, cần tiếp tục giao cháu Kim cho bà C tiếp tục nuôi dạy, giáo dục. Ông Đ không phải cấp dưỡng cho cháu Kim do bà C không yêu cầu.

Riêng cháu Đạt đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Ông Đ và bà C thống nhất xác định, vợ chồng ông bà có tài sản chung là thửa đất 882, tờ bản đồ số 02, diện tích 4231m$^2$, tọa lạc ấp X (nay là Phú T), xã Hưng H, huyện V, tỉnh B. Thửa đất 1119, tờ bản đồ số 04, diện tích 3530m$^2$, tọa lạc ấp Nước Mặn, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B. Phần đất này ông Đ và bà C đứng tên Quyền sử dụng đất. Phần đất 240m$^2$, tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, vợ chồng mua của bà Thạch Thị B, chưa chuyển quyền. Phần đất 6400m$^2$ đất trồng lúa tọa lạc ấp Cả V, xã Hưng H, huyện V, tỉnh B, vợ chồng mua của bà Thạch Thị T, chưa chuyển quyền. Xác nhà cất trên đất của ông C, bà H. Ngoài ra, ông Đ và bà C không còn tài sản chung nào khác. Tại đơn khởi kiện ngày

06/02/2023, ông Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung với bà C. Đến ngày 21/4/2023 ông Đ đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung với bà C.

Tòa án đã thông báo cho bà C biết việc ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung đối với bà C. Tuy nhiên, bà C không có ý kiến. Đồng thời, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Thạch Thị B, ông Nguyễn Văn C không đặt ra tranh chấp gì trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với bà C về việc chia tài sản. Ông Đ và bà C được quyền khởi kiện ở vụ án khác về tài sản chung nếu có tranh chấp.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 3.425.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001476 ngày 09/03/2023, đối trừ số tiền án phí, ông Đ được hoàn lại số tiền 3.125.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[7]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 57, 58, 81, 81, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Huỳnh Thị C. Xử cho ông Nguyễn Minh Đ ly hôn đối với bà Huỳnh Thị C.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Kim, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2011 cho bà Huỳnh Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông Nguyễn Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa ông Đ đối với bà C. Do ông Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 3.425.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001476 ngày 09/03/2023, đối trừ số tiền án phí, ông Đ được hoàn lại số tiền 3.125.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng H, huyện V, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thụy Lan Chi**